

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2026.
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Bỉ.
- Ông Nguyễn Văn Dễ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Quê – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 17/01/1996. Căn cước công dân số 080196011779. Địa chỉ: Số B, Ấp D, xã V, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Công T, sinh ngày 13/5/1995. Căn cước công dân số 080095014155. Địa chỉ: Số A, ấp Á, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(*Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện có nội dung như sau: Do quen biết và có thời gian tìm hiểu, bà và ông Võ Công T được gia đình chấp nhận nên sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chồng khoảng 5 năm. Sau đó, vợ

chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu quan điểm, thường xuyên xảy ra gây gổ, vợ chồng độc lập về kinh tế. Vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm khoảng 5 năm. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Võ Công T.

Nuôi con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Võ Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/5/2016. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Võ Công T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh giải quyết ly hôn với ông Võ Công T; hiện ông T đang sinh sống tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà D và ông T có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/2015, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì. Điều này chứng minh ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D có cơ sở chấp nhận.

[4] Nuôi con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Võ Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/5/2016. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi con chung. Tại bản trình bày ý kiến cháu Hoàng P có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của cháu Hoàng P theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Võ Nguyễn Hoàng P cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông Võ Công T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chia tài sản chung: Bà D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Bà D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Võ Công T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Võ Công T.

2. Nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Công T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016780 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND khu vực 5- Tây Ninh.
- THA DS tỉnh Tây Ninh.
- Các đương sự.
- UBND xã **Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh**
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa